

ĐẠI HỌC HUẾ
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TỪ XA

TS. BÙI THANH TRUYỀN (Chủ biên)
TS. NGUYỄN THANH TÂM

Giáo trình

VĂN HỌC 1

(LÍ LUẬN VĂN HỌC VÀ VĂN HỌC THIẾU NHI)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ
Huế - 2012

LỜI NÓI ĐẦU

Giáo trình này được biên soạn để phục vụ cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học thuộc các hình thức đào tạo Chính quy, Từ xa, Vừa học vừa làm, Liên thông... của các trường Đại học Sư phạm trong cả nước.

Giáo trình gồm hai phần: Phần một: Lí luận văn học (5 chương); Phần hai: Văn học thiếu nhi (4 chương). Cuối mỗi chương là những kiến thức trọng tâm mà sinh viên cần nắm vững cùng hệ thống câu hỏi, bài tập và gợi ý trả lời nhằm giúp người học dễ dàng lĩnh hội và hoàn thiện kiến thức.

Do điều kiện thời gian và tư liệu còn hạn chế, lần đầu tiên ra mắt độc giả, cuốn sách sẽ không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn trước những góp ý, nhận xét của bạn đọc, giáo viên, các nhà nghiên cứu... để có điều kiện bổ sung, chỉnh sửa cho những lần tái bản sau.

Huế, tháng 3 – 2012

Các tác giả

PHẦN MỘT: LÍ LUẬN VĂN HỌC

Chương 1

KHÁI QUÁT VỀ LÍ LUẬN VĂN HỌC

1.1. KHÁI NIỆM LÍ LUẬN VĂN HỌC

Lí luận văn học là một bộ phận của khoa nghiên cứu văn học. Nó lấy các hiện tượng văn học như tác phẩm, thể loại, nhà văn, hoạt động sáng tác, sự tiếp nhận, quá trình phát triển của văn học... làm đối tượng nghiên cứu. Mục đích của lí luận văn học là rút ra các khái niệm, các quy luật có tính phổ biến về văn học nhằm trả lời các câu hỏi: “Văn học là gì?”, “Tác phẩm cấu tạo như thế nào?”, “Thể nào là tác phẩm hay?”... từ đó giúp người đọc thưởng thức, nghiên cứu văn học một cách tự giác.

Có thể tập hợp những vấn đề được lí luận văn học nghiên cứu vào ba nhóm chính:

1. Lí thuyết về tính đặc trưng của văn học như một hoạt động sáng tác tinh thần của con người với các khái niệm chủ yếu: tính hình tượng, tính nghệ thuật, lí tưởng thẩm mỹ, các thuộc tính xã hội của văn học, các nguyên tắc đánh giá sáng tác văn học nói chung.

2. Lí thuyết về cấu trúc tác phẩm văn học với các khái niệm chính: đề tài, chủ đề, nhân vật, tính cách, cảm hứng, cốt truyện, kết cấu, các vấn đề phong cách học (tu từ học) ngôn ngữ, luật thơ, thi học lí thuyết.

3. Lí thuyết về quá trình văn học với các nội dung: phong cách, các loại và các thể văn học, các trào lưu, khuynh hướng văn học, quá trình văn học nói chung.

1.2. NỘI DUNG CỦA LÍ LUẬN VĂN HỌC

Lí luận văn học là lí luận khoa học về văn học, lấy văn học làm đối tượng nghiên cứu. Lí luận văn học có nhiệm vụ khái quát về bản chất, đặc trưng, cấu tạo, quy luật tồn tại và phát triển của văn học, giúp cho con người hiểu được mọi hiện tượng văn học từ tác phẩm, tác giả, thể loại, trào lưu, phong cách... đồng thời cung cấp một hệ thống các khái niệm, phạm trù khoa học chặt chẽ với tư cách là những công cụ, để người đọc và nhà phê bình, các nhà văn học sử có thể vận dụng để nghiên cứu văn học một cách hữu hiệu.

Đối tượng của lí luận văn học không phải là một vài tác phẩm, tác giả cụ thể, mà là toàn bộ văn học như là một lĩnh vực nghệ thuật, một hình thái ý thức xã hội. Đó là một đối tượng rộng, vừa thống nhất, vừa đa dạng, lại luôn luôn đổi thay trong lịch sử, do đó lí luận văn học không dễ trả lời câu hỏi “Văn học là gì?” nếu không xem xét toàn diện.

Lí luận văn học tất nhiên không thể không phân tích một số tác phẩm, tác giả cụ thể, nhưng nó nghiên cứu các hiện tượng đó như là những ví dụ. Nói cách khác, nghiên cứu tác phẩm, tác giả cụ thể, lí luận văn học không nghiên cứu như nhà phê bình văn học và lịch sử văn học nhằm đánh

giá ý nghĩa, vị trí từng tác phẩm, tác giả đó, mà là nhằm xem xét một trào lưu văn học, cuộc vận động của văn học. Lí luận văn học vận dụng phương pháp luận triết học, từ tầm cao lí luận mà trình bày và phân tích tính chất, đặc điểm, quy luật của văn học, xây dựng nên các khái niệm, phạm trù.

Phạm vi của lí luận văn học bao gồm các bộ phận sau: *Một là bản chất, đặc trưng của văn học, hai là cấu tạo tác phẩm và thể loại, ba là quá trình sáng tác, bốn là tiến trình phát triển văn học, năm là sự tiếp nhận văn học.* Năm bộ phận này bao quát hết các mặt quy luật của văn học. Mỗi bộ phận có những quy luật, phạm trù riêng nhưng đều có liên hệ mật thiết với nhau trong quá trình lịch sử.

1.3. TÍNH CHẤT CỦA LÍ LUẬN VĂN HỌC

Khoa nghiên cứu văn học là ngành khoa học nghiên cứu về quan điểm, nội dung, nghệ thuật, phương pháp, tư liệu v.v... trong việc mô tả, giải thích, đánh giá các sự kiện văn học từ bản chất đến quá trình, từ các hiện tượng đến quy luật nội tại của từng nền văn học dân tộc qua các thời kì lịch sử và các nền văn học thế giới. Khoa học này bao gồm nhiều bộ môn nghiên cứu văn học cụ thể, tương đối độc lập như: lí luận văn học, lịch sử văn học, phê bình văn học, phương pháp luận nghiên cứu văn học...

Lí luận văn học là một bộ môn khoa học, là thành quả đúc kết, khái quát kinh nghiệm văn học của nhân loại. Vì thế, nó chịu sự chi phối của trình độ phát triển của văn học và trình độ nhận thức của con người. Nhưng lí luận văn học không phải là số cộng giản đơn các kiến thức về văn học. Từ kinh nghiệm nâng lên lí luận phải trải qua một quá trình kiểm nghiệm, sàng lọc, khái quát, hệ thống hóa. Bởi vì văn học là một hoạt động tinh thần của con người, thông qua hình thức thẩm mỹ, hình thức đánh giá mà chiếm lĩnh thế giới, cho nên lí luận văn học không giản đơn là hệ thống kiến thức về văn học mà còn là hệ thống giá trị về văn học. Lí luận văn học không chỉ giải thích văn học là gì mà còn phải cho biết văn học thế nào là hay, là tiến bộ. Lí luận văn học là một bộ môn khoa học nhân văn, nó nói lên mối quan hệ khăng khít giữa văn học và con người, thể hiện bản tính người của văn học.

1.4. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ PHƯƠNG PHÁP CỦA VIỆC HỌC LÍ LUẬN VĂN HỌC

1.4.1. Mục đích

Việc học môn học này sẽ giúp cho sinh viên nắm được những vấn đề cơ bản của lí luận văn học như: nguyên lí chung, hiểu về tác phẩm văn học, hiểu những đặc trưng của thể loại văn học để lí giải được những vấn đề về văn học đặt ra ở bậc tiểu học.

Ngoài những vấn đề dẫn luận chung, lí luận văn học còn cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về kĩ năng phân tích, cảm thụ văn học để khi ra trường có thể giảng dạy có hiệu quả những tác phẩm, trích đoạn làm ngữ liệu dạy học trong chương trình, sách giáo khoa Tiếng Việt ở tiểu học trên quan điểm tích hợp dạy tiếng Việt và văn học.

1.4.2. Yêu cầu và phương pháp

Học lí luận văn học của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học phải luôn gắn với chương trình Tiếng Việt, Văn học ở bậc học này. Ngoài yêu cầu quan trọng đó ra, sinh viên còn phải có tầm nhìn rộng hơn về văn học của dân tộc và của thế giới để có thể tham gia vào việc nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực này.

HƯỚNG DẪN HỌC TẬP CHƯƠNG 1

I. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CẦN NẮM VỮNG

Ở chương này, người học cần nắm được khái niệm, đối tượng và phạm vi nghiên cứu của lí luận văn học, tính chất của lí luận văn học so với các bộ môn khác trong khoa nghiên cứu văn học.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP THỰC HÀNH

1. Cho biết những nội dung chủ yếu của lí luận văn học.
2. Nêu mối quan hệ giữa lí luận văn học với lịch sử văn học và phê bình văn học.

III. GỢI Ý GIẢI MỘT SỐ BÀI TẬP

1. Nội dung của lí luận văn học gồm các phương diện chủ yếu sau đây:
 - a. Từ mối quan hệ hai chiều giữa văn học và đời sống xã hội chúng ta sẽ phải giải quyết về nguồn gốc đối tượng, tính chân thực, tính khuynh hướng, chức năng của văn học v.v...
 - b. Đặt văn học trong mối quan hệ với các hình thái ý thức xã hội, với các loại hình nghệ thuật khác chúng ta sẽ giải quyết các vấn đề thuộc về đặc trưng của văn học như đặc điểm của hình tượng ngôn từ, thời gian, không gian nghệ thuật trong văn học, khả năng, vị trí của văn học so với các loại hình nghệ thuật khác...
 - c. Xem xét văn học trong mối quan hệ với chủ thể sáng tạo, ta lại thấy rõ vai trò của thế giới khách quan và sáng tác, tài năng, vốn sống, cá tính và chất lượng sáng tạo của người nghệ sĩ...
 - d. Nếu xét tác phẩm văn học với tư cách là một chỉnh thể được tạo thành từ những chỉnh thể nhỏ hơn tất yếu ta phải đề cập tới mối quan hệ giữa nội dung và hình thức tác phẩm, quan hệ giữa các yếu tố trong chính tác phẩm như: Đề tài, chủ đề, tư tưởng, nhân vật, cốt truyện, kết cấu, ngôn ngữ và các biện pháp nghệ thuật...
2. Mối quan hệ giữa lí luận văn học với lịch sử văn học và phê bình văn học.
 - a. *Lịch sử văn học* (còn gọi là *văn học sử*) là một bộ môn của khoa nghiên cứu văn học có nhiệm vụ nghiên cứu quá khứ của văn học, gồm quy luật sinh thành và phát triển của các hiện tượng và quá trình văn học diễn ra trong những điều kiện xã hội - lịch sử nhất định, chẳng hạn tác phẩm, tác giả, thể loại, trào lưu, các giai đoạn đã qua của nền văn học dân tộc...

Hướng về đối tượng chủ yếu là phương diện sinh thành của các hiện tượng văn học, lịch sử văn học còn chú ý đến cả sự phân đoạn, phân dòng văn học. Ngoài ra, tiếp nhận văn học cũng có

lịch sử của nó. Chẳng hạn, lịch sử tiếp nhận *Truyện Kiều* ở Việt Nam. Bên cạnh lịch sử vĩ mô như lịch sử văn học dân tộc, còn có lịch sử văn học vi mô như lịch sử sáng tạo tác phẩm cụ thể, lịch sử văn bản...

Thông qua việc tái hiện diện mạo cá biệt của những hiện tượng văn học cụ thể trong quá trình phát triển lịch sử, lịch sử văn học phải lí giải, làm sáng tỏ bản chất cũng như quy luật vận động của các hiện tượng ấy, tìm hiểu ý nghĩa của chúng đối với đời sống xã hội, xác định xem chúng có đóng góp gì mới về tư tưởng nghệ thuật.

b. *Phê bình văn học* là sự phán đoán, phẩm bình, đánh giá và giải thích tác phẩm văn học, đồng thời kèm theo việc phán đoán, bình luận, giải thích, đánh giá những hiện tượng đời sống mà tác phẩm nói tới. Phê bình văn học được coi như một hoạt động tác động trong đời sống văn học và quá trình văn học, như một loại sáng tác văn học, đồng thời còn được coi như một bộ môn thuộc khoa nghiên cứu văn học. Khác với văn học sử, phê bình văn học ưu tiên soi rọi những quá trình, những chuyển động đang xảy ra trong văn học hiện thời, khảo sát các sản phẩm xuất bản và báo chí, phản xạ với các hiện tượng văn học, với sự cảm thụ văn học của công chúng. Ngay khi bàn về di sản văn học quá khứ, nhà phê bình cũng chủ yếu xuất phát từ các nhiệm vụ xã hội và thẩm mỹ của hiện tại.

Những phán đoán phê bình hầu như xuất hiện đồng thời với sự xuất hiện của văn học, ban đầu với tư cách là những ý kiến của các độc giả quan trọng, hiểu biết nhất; không ít trường hợp các độc giả này cũng là người sáng tác văn học. Ở phê bình hiện đại, những thể tài thường dùng là: bài báo, bài điểm sách, bài tổng quan văn học, tiểu luận, chân dung văn học, đối thoại phê bình văn học, bút chiến v.v... Tùy theo thể tài và mục đích, phê bình bộc lộ những khả năng và đặc tính của mình bắt đầu từ một thông tin đơn giản của một người đọc về một tác phẩm mới ra mắt và kết thúc là việc đặt ra các vấn đề văn học và xã hội.

c. Giữa lí luận văn học với lịch sử văn học và phê bình văn học có mối quan hệ chặt chẽ, có sự tác động qua lại với nhau. Bởi vì không có lịch sử về đối tượng thì không có lí luận về đối tượng; nhưng nếu không có lí luận về đối tượng thì thậm chí ý nghĩa lịch sử của nó cũng không có được bởi vì lúc đó sẽ không có khái niệm về đối tượng ở cả ý nghĩa và giới hạn của nó.

Xét về mặt lí thuyết, lí luận văn học cung cấp khái niệm về đối tượng. Không nắm vững hệ thống khái niệm mà lí luận văn học xây dựng nên thì các nhà phê bình văn học, nghiên cứu văn học sẽ không đề xuất được những nhiệm vụ khoa học riêng của mình và cũng không thâm nhập được sâu vào các hiện tượng văn học được nghiên cứu; ngược lại, lịch sử văn học và phê bình văn học cung cấp những nhận định về từng nền văn học, về các tác giả, tác phẩm tiêu biểu cho sự khái quát của lí luận văn học.

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Đăng Dư - Lê Lưu Oanh, *Giáo trình Lí luận văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1997 (Bài mở đầu).

2. Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá (Chủ biên), *Từ điển văn học*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2004.
3. Phương Lưu (Chủ biên), *Lí luận văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1997 (Phần một, Chương I).
4. R. Wellek và A. Warren, *Lí luận văn học*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2009 (Phần I).
5. Trần Đình Sử (Chủ biên), *Giáo trình Lí luận văn học*, tập 1, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2004 (Bài mở đầu).

Tailieu.vn

Chương 2

NGUỒN GỐC VÀ BẢN CHẤT CỦA VĂN HỌC

2.1. NGUỒN GỐC CỦA VĂN HỌC

Văn học là loại hình nghệ thuật sáng tạo bằng ngôn từ, một hình thức phản ánh đời sống xã hội thể hiện sự nhận thức và sáng tạo của con người. Khái niệm văn học bao gồm cả văn học dân gian, được sáng tác và lưu truyền bằng miệng từ đời này sang đời khác, và văn học viết, được sáng tác và lưu truyền dưới hình thức văn bản viết.

Văn học nghệ thuật vì sao mà có, bắt nguồn từ đâu, sinh ra như thế nào...? Để tìm hiểu những vấn đề này, cần ngược dòng lịch sử lên xã hội nguyên thủy với những tranh vẽ còn sót lại trong hang động, hoặc dựa vào kho tàng văn học dân gian, vào sinh hoạt tinh thần của các bộ lạc còn ở trạng thái bán khai. Vượt qua những biểu hiện không phải là bản chất, những khâu trung gian phức tạp, truy đến cùng, người ta thấy nguồn gốc nguyên thủy của văn học nghệ thuật chính là lao động của con người. Nói cách khác, lao động là động lực làm nảy sinh những “tác phẩm” văn học nghệ thuật đầu tiên. Trải qua lao động, bàn tay phát triển. Và khi tìm ra công cụ thì khả năng của con người mở rộng, con người thoát khỏi tình trạng thú vật. Trong quá trình lao động cải tạo tự nhiên để sinh sống, con người tự cải tạo và nâng cao năng lực của mình: bộ óc phát triển, các giác quan càng tinh tế. Mắt phân biệt các màu sắc và hình dáng khác nhau. Tai nghe ra các âm thanh phức tạp. Các cảm giác về sự hài hòa, cân xứng, về nhịp điệu được hình thành. Con người lo chăm sóc cho công cụ lao động thêm thích mắt, gọn tay và có thể sử dụng có hiệu quả hơn. Trí tuệ được nâng cao, giác quan tinh tế, ý thức thẩm mỹ phát triển, ngôn ngữ giàu có... là những biểu hiện cần thiết để con người có thể sáng tạo văn học nghệ thuật.

Trong điều kiện sinh sống khắc nghiệt, người nguyên thủy sáng tạo ra nghệ thuật trước hết nhằm nhận thức đối tượng lao động, củng cố những kiến thức thu được trong lao động và truyền lại cho thế hệ sau. Ở buổi ban đầu ấy, văn học nghệ thuật còn lẫn với hoạt động nhận thức nói chung, phục vụ những nhận thức thiết thực để sinh tồn. Nảy sinh từ lao động, văn học nghệ thuật cũng là một nhu cầu cần thiết để lao động tốt hơn. Lao động mà có nhịp điệu, tiết tấu thì có hiệu quả hơn, đỡ vất vả hơn, nhất là đối với lao động tập thể. Lao động có tiết tấu đến cao độ thì con người phát ra tiếng “hò dô”. Người nguyên thủy thêm vào đó những lời có nghĩa: đó là nguồn gốc của thơ ca. Do đó, xét từ nguồn gốc, lao động, âm nhạc và thơ ca là ba yếu tố không rời nhau, nhưng lao động là chính. Như thế, trong buổi bình minh của nhân loại, mầm mống của văn học nghệ thuật đã nảy sinh trong quá trình lao động và là động lực để lao động có hiệu quả hơn.

Văn nghệ dân gian cũng cho thấy rõ mối quan hệ giữa văn học nghệ thuật và lao động. Thần thoại ca ngợi những người chinh phục núi rừng, biển cả, đầm lầy (như Lạc Long Quân chiến thắng Mộc Tinh, Ngự Tinh), nói lên những ước mơ: đi nhanh với đôi hài bảy dặm, bay xa với chiếc thảm thần kì. Cuộc sống còn vất vả, họ muốn có quả đào tiên cắn một miếng đủ trường

thọ, có nồi com Thạch Sanh ăn hết lại đây. Trên trống đồng người Việt cổ cũng khắc những cảnh sinh hoạt: người già cỡi, chèo thuyền, múa khí giới. Và từ Bắc chí Nam trên đất nước Việt, bao nhiêu giọng hò câu hát gắn liền với đời sống lao động từng vang lên trong thôn xóm, dọc những dòng sông: hát quan họ, hát đúm, hát đò, hát phường vải, hò giã gạo, hò kéo gỗ, hò chèo đò, hát giăng chài... Nói lao động là nguồn gốc của văn học nghệ thuật là nói đến nguyên nhân cơ bản nhất, quyết định nhất. Ngoài ra, những nguyên nhân khác như ma thuật (nghỉ thức, phù chú gắn liền với sự săn bắn, tế lễ), giải trí, du hí... cũng là những nhu cầu quan trọng để nảy sinh văn học.

Đời sống xã hội phát triển, mối quan hệ giữa lao động và văn học nghệ thuật không còn trực tiếp, giản đơn nữa mà tinh tế, phức tạp hơn nhiều. Nhưng bao giờ cuộc sống và tình cảm những người đã đổ mồ hôi và máu xương ra xây dựng và gìn giữ đất nước, giữ gìn cuộc đời vẫn là nguồn nuôi dưỡng của nền văn học phong phú và tiến bộ.

2.2. BẢN CHẤT CỦA VĂN HỌC

2.2.1. Khách thể và đối tượng của văn học

Khách thể của văn học là toàn bộ thế giới, bao gồm tự nhiên, xã hội và cuộc sống nội tâm của con người. Còn đối tượng của văn học là toàn bộ thế giới trong tính cụ thể, sinh động, toàn vẹn. Văn học tái hiện thế giới trong trạng thái chỉnh thể, sinh động như các giác quan con người cảm nhận được. Chẳng hạn cách thể hiện của Trần Mạnh Hảo trong bài thơ *Bé nhìn biển*:

*Nghỉ hè với bố
Bé ra biển chơi
Tưởng rằng biển nhỏ
Mà to bằng trời.*

*Như con sông lớn
Chỉ có một bờ
Bãi giăng với sóng
Chơi trò kéo co.*

*Phì phò như bễ
Biển mệt thở rung
Cồng giờ gọng vó
Định khiêng sóng lừng.*

*Nghìn con sóng khỏe
Lon ta lon ton*

Biển to lớn thế

Vẫn là trẻ con.

Tuy nhiên, đối tượng của văn học không phải giản đơn là đối tượng khách quan, nằm ngoài chủ thể như đối tượng của khoa học tự nhiên. Đối tượng của văn học là đối tượng có ý nghĩa và giá trị đối với sự sống của con người. Trong văn học thiếu nhi, cái giếng, ngôi nhà, con đường, sân trường, lớp học... không được miêu tả như những sự vật khách quan, phổ biến. Trái lại, văn học khám phá giá trị và ý nghĩa của chúng đối với con người nói chung, trẻ em nói riêng: ngôi nhà là nơi trẻ sinh ra, lớn lên trong vòng tay thương yêu của cha mẹ, ông bà; con đường là nơi dẫn về quê ngoại với bao niềm vui, hạnh phúc tuổi thơ; trường học là ngôi nhà thứ hai của trẻ; cái giếng là nơi thu gọn cả vẻ đẹp bình dị mà ám ảnh của cảnh quê, tình quê...

Mẹ em gánh nước

Giếng khơi mát lành

Nấu cơm, cơm dẻo

Luộc rau, rau xanh

Gội đầu tóc mượt

Rửa tay trắng hồng

Một gàu nước mát

Nghé ơi, thích không?

Cúi nhìn giếng nước

Em thấy mây bay

Thấy trời rộng rộng

Vườn xanh bóng cây

Giếng đẹp xóm em

Ai tới mà xem

Đêm nhìn mặt nước

Trăng vàng hiện lên

(Giếng đẹp xóm em, Nguyễn Viết Bình)

Văn học không nhìn hoa như nhà sinh học, thấy đó là cơ quan sinh sản của cây, mà chỉ thấy ở đó biểu hiện của vẻ đẹp, của sự sinh sôi, nảy nở tươi thắm. Văn học cũng không miêu tả con người như nhà giải phẫu, mà con người có cuộc đời, có tính cách, tình cảm, số phận mang ý nghĩa, giá trị đối với nhân sinh nói chung, đáp ứng niềm quan tâm của mọi người đang sống.

Điều này khiến cho đối tượng của văn học không trộn lẫn với đối tượng của bất cứ hình thái ý thức xã hội nào khác.

Trong toàn bộ hiện thực khách quan (gồm thiên nhiên và đời sống xã hội), văn học hướng trọng tâm tìm hiểu đối tượng chủ yếu là con người với những biểu hiện đa dạng, phong phú và không kém phần phức tạp trong đời sống vật chất và tinh thần của họ cũng như các quan hệ qua lại của con người đối với thế giới. Nói cách khác, chính con người là trung tâm của đời sống hiện thực được phản ánh trong văn học. Lấy con người làm đối tượng miêu tả chủ yếu, văn học có được một điểm tựa để nhìn ra thế giới. Vì mỗi con người, mỗi nhân vật là một trung tâm quan hệ, trung tâm đánh giá nên khả năng tiếp cận thế giới của văn học là vô hạn.

2.2.2. Ý thức xã hội của văn học

Văn học là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng do xã hội sinh ra và bị xã hội chi phối. Vì thế, tương quan giữa văn học nghệ thuật và xã hội cũng là sự tương quan giữa ý thức và tồn tại. Cơ sở kinh tế là nhân tố quyết định văn nghệ xét đến cùng nhưng không phải là nhân tố duy nhất, vì ngoài cơ sở kinh tế còn có toàn bộ xã hội của con người, các cuộc đấu tranh ý thức hệ, đấu tranh chính trị, học thuật... Nói cơ sở kinh tế quyết định đối với ý thức xã hội nói chung, văn học nói riêng, điều đó không có nghĩa là văn học là một hình thái ý thức thụ động; trái lại, văn học cũng như các hình thái ý thức khác của kiến trúc thượng tầng có tính độc lập tương đối vì hình thái ý thức bao giờ cũng có sự tác động trở lại cơ sở kinh tế hạ tầng trên cả hai phương diện tích cực và tiêu cực của nó.

Như thế, với tư cách là hình thái ý thức xã hội, văn học có cội nguồn là đời sống, là sự phản ánh của đời sống và luôn chịu sự ràng buộc của cơ sở xã hội. Mọi tác phẩm, thể loại văn học dù kì ảo, hư cấu đến đâu cũng đều là sự phản ánh thế này hay thế khác của đời sống, là con đẻ của hiện thực xã hội. Ngoài sự ràng buộc của cơ sở xã hội, văn học còn chịu sự tác động qua lại với các hình thái ý thức xã hội khác như đạo đức, triết học, tôn giáo... và đặc biệt là chính trị.

2.2.3. Văn học là một hình thái quan niệm nhân sinh

Sự phản ánh đời sống trong văn học bao giờ cũng thông qua trí tưởng tượng, lòng ước mơ, khả năng phán đoán của con người để nêu lên quan niệm về nhân sinh. Khi truyện dân gian kể chuyện *Cây Khế*, *Tám Cám*, *Thạch Sanh*, *Sọ Dừa*... là họ đưa ra một quan niệm về nhân sinh: cái ác luôn hãm hại cái thiện, nhưng cuối cùng cái thiện đều thắng, ở hiền gặp lành, ác giả ác báo.

Nói văn học thể hiện quan niệm nhân sinh có nghĩa là văn học thể hiện một tư tưởng về vũ trụ, xã hội và con người trên cơ sở một thế giới quan nhất định. Văn học hướng nhận thức tới những vấn đề phổ quát của tồn tại con người, tìm kiếm con đường giải phóng con người, cất nghĩa về thế giới. Trong các tác phẩm văn học, ta thấy không ít những triết lí sâu sắc về con người và cuộc sống con người một cách gợi cảm. Chẳng hạn: Các triết lí về đời nhân xử thế trong văn học dân gian, về quan niệm cuộc đời và con người mang dấu ấn của các triết học Nho, Phật, Lão... Việc thể hiện quan niệm đã tạo thành tính khuynh hướng, tính tư tưởng của văn học. Có

thể nói, bản chất ý thức xã hội của văn học thể hiện ở tính khuynh hướng tư tưởng và tính khuynh hướng tình cảm của nó.

2.2.4. Văn học vừa thuộc về thực tại, vừa siêu thoát

Là sự phản ánh bản chất và quy luật của hiện thực khách quan thông qua chủ thể nhà văn, văn học dĩ nhiên không tách rời khỏi tư tưởng; nhưng chính tư tưởng cũng bắt nguồn từ hiện thực, bởi quan điểm của con người bao giờ cũng xuất phát từ một môi trường xã hội, một hoàn cảnh nhất định. Vì thế, tính hiện thực là thuộc tính tất yếu của văn học. Nhưng sức hấp dẫn, mê hoặc của văn học không chỉ dừng lại ở đó. Cũng như cánh diều, ngoài sợi dây kết nối với mặt đất – hiện thực, nó còn có những đường bay đầy ngẫu hứng và sáng tạo trên bầu trời – tự do, phóng khoáng. Điều này quy định mối liên hệ sâu sắc, phức tạp của văn học đối với các hình thái ý thức xã hội khác, là cội nguồn làm cho văn học có hai thuộc tính ngớ trái ngược nhưng luôn tương trợ, hòa kết: vừa có tính thực tại vừa rất đối siêu thoát.

Bản chất con người là hoạt động tự giác và tự do. Con người khác với con vật ở chỗ sinh ra đã không hoàn thiện; không thể tự sống nếu không có người chăm sóc, nuôi dạy. Do đó, con người tồn tại được là nhờ mơ ước và thực hiện mơ ước. Điều này ánh xạ rất rõ trong nhiều tác phẩm văn học cổ kim như *Thạch Sanh*, *Tám Cám*, *Đảo mộng mơ*, *Côi cút giữa cánh đồng*, *Nói với em...* Chính vì thế, tưởng tượng, hư cấu trở thành yếu tính của văn học, không có chúng thì không thể và cũng không tồn tại được sáng tác ngôn từ.

2.2.5. Tính chân thực của văn học

Tính chân thật là khái niệm chỉ phẩm chất đạt được sự phản ánh đúng đắn bản chất hoặc một vài khía cạnh bản chất của hiện thực ở tác phẩm văn học. Nó là một phạm trù có tính lịch sử và luôn có sự biến đổi. Khả năng chiếm lĩnh cuộc sống của nhà văn càng sâu thì tính chân thực trong sáng tác cũng đổi thay.

Tác phẩm có tính chân thực trước hết phải thỏa mãn nhu cầu hiểu biết, cho nên hình tượng văn học phải phù hợp với lô gích đời sống và lô gích của tình cảm. Kết thúc có hậu trong truyện cổ tích là minh chứng thuyết phục cho điều này. Một phương diện khác của tính chân thực trong văn học là ý thức về phương diện giá trị xã hội của hiện tượng đời sống. Tình cảm khen chê, sự biểu dương hay chế nhạo đều phải phù hợp với quan niệm về giá trị: biểu dương cái đạo đức, chính nghĩa, lên án cái tầm thường, độc ác, giả trá...

Tác phẩm có tính chân thực là phải phù hợp và làm thỏa mãn tâm lí tiếp nhận của người đọc. Sáng tác ngôn từ là hư cấu, là thế giới của nhà văn, người đọc có thể nhìn thấy ở đây một phần trùng hợp với thế giới kinh nghiệm của họ; tuy nhiên, về căn bản nó là một thế giới độc đáo, có thể hiểu được và khác hẳn với thế giới kinh nghiệm. Cho nên, người ta thường thấy văn học là một thứ hoang đường, huyền ảo. Người đọc chấp nhận được thế giới đó là do họ lấy tính ước lệ, tính giả định làm cơ sở và tiền đề tiếp nhận. Tính hư cấu cho phép nhà văn tự do trong sáng tạo nghệ thuật. Nhờ thế, tác phẩm văn học thực sự là một vương quốc tự do; ở đó, nhà văn không bị ràng buộc trong sự tưởng tượng, lựa chọn ngôn từ, các phương thức,

phương tiện nghệ thuật, nhào nặn chất liệu đời sống để nhận thức, khám phá hiện thực và thể hiện ước mơ, lí tưởng của mình. Không phải là mô phỏng thực tại, hư cấu trong văn học nhằm tạo ra một không gian thẩm mỹ mà hiện thực thiếu, là vén tấm màn khả năng cho người ta nhìn thấy những điều bí ẩn xa xôi. Nhưng điều đó không có nghĩa là muốn bịa đặt, hư cấu thể nào cũng được. Nó phải phù hợp với tâm lí tiếp nhận của người đọc đối với từng thể loại, đáp ứng sự chờ đợi của họ.

Khi xét tính chân thực của tác phẩm nghệ thuật cần xét trong tính chỉnh thể. Nhiều chi tiết cục bộ, không thật lại có tác dụng phản ánh chân thực trong chỉnh thể. Hồn đảo “mộng mơ” trong tác phẩm cùng tên của Nguyễn Nhật Ánh chỉ là một... đồng cát nhỏ mà ba thằng cu Tin mới chớ về để chuẩn bị làm nhà lại vô cùng có lí trong thế giới hồn nhiên, trong sáng, nhiều tưởng tượng, mơ mộng của trẻ thơ. Các biện pháp thậm xưng, cường điệu trong thơ cũng có ý nghĩa tương tự.

2.2.6. Bản chất nhân học của văn học

Văn học là nhân học bởi văn học tái hiện, soi chiếu đời sống muôn mặt của con người, từ đời sống xã hội đến đời sống riêng tư, từ quan hệ đẳng cấp đến quan hệ giới tính, từ đời sống vật chất đến tâm hồn, từ tâm lí, phong tục, tập quán đến tín ngưỡng, thói quen, thị hiếu thẩm mỹ và ngôn ngữ. Bản chất nhân học của văn học trước hết thể hiện ở việc biểu hiện tính người (nhân tính). Đó là tính xã hội, phân biệt con người với con vật. Văn học là bộ bách khoa toàn thư về tình người. Tình người dù có phong phú đến đâu cũng gắn liền với tính xã hội, với khát vọng tự do, phát triển hạnh phúc, công bằng, dân chủ.

Bản chất nhân học của văn học còn thể hiện ở việc biểu hiện con người tự nhiên. Con người là tự nhiên xã hội hóa, nhưng luôn mang bản chất tự nhiên như thích cầm đầu, thích cưỡng đoạt, hay đố kỵ, tham sống, sợ chết... là những bản năng vốn có ở các động vật. Con người cũng chịu tác động của các quy luật tự nhiên như sinh, lão, bệnh, tử. Tình yêu, tình dục cũng là những lĩnh vực rất phổ biến của con người.

Đặc sắc nhất của văn học là sự quan tâm tới cá thể, cá tính, cá nhân, tới tính cách và số phận của con người. Mỗi người chỉ là một cá thể hữu hạn, chỉ sống có một lần, cho nên mọi người đọc đều quan tâm đến cá thể trong văn học, mong tìm ở đó những lí giải về sự lựa chọn đường đời, lựa chọn giá trị, lựa chọn ý nghĩa, để có thể sống một cuộc sống có ý nghĩa hơn. Trong các hình thái ý thức xã hội duy nhất chỉ có văn học là quan tâm tới sinh mệnh cá thể giữa biển đời mênh mông. Chỉ có văn học là tìm cách lí giải các giá trị của cá thể về sắc đẹp, tư chất, cá tính, số phận. Con người tìm thấy ở văn học những tiền lệ về ý thức cá tính, về ý nghĩa cuộc đời, về khả năng chiến thắng số phận,... Gắn với ý thức cá tính, văn học phát huy khả năng miêu tả thế giới nội tâm của con người. Với việc khám phá thế giới bên trong ấy, văn học nâng cao năng lực tự quan sát và tự hoàn thiện cho con người.

HƯỚNG DẪN HỌC TẬP CHƯƠNG 2

I. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CẦN NẮM VỮNG

Trong chương này, người học cần nắm được nguyên nhân ra đời và phát triển của văn học cũng như bản chất của loại hình nghệ thuật ngôn từ này; từ đó có thể phân biệt văn học với các hình thái ý thức xã hội khác gần gũi với nó như triết học, chính trị, đạo đức...

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP THỰC HÀNH

1. Phân biệt con người với tư cách là đối tượng của văn học với con người là đối tượng của các ngành khoa học khác.
2. Cho biết điểm giống nhau giữa văn học và triết học.
3. Vì sao nói văn học và chính trị khác biệt nhau nhưng không đối lập, loại trừ nhau?
4. Phân biệt văn học và đạo đức. Lấy ví dụ trong thực tiễn dạy học ở trường tiểu học để chứng minh.
5. Bằng (các) tác phẩm văn học thiếu nhi cụ thể, anh (chị) hãy chứng minh rằng việc nhận định văn học vừa hiện thực vừa siêu thoát hoàn toàn không xem nhẹ bản chất xã hội của văn học.

III. GỢI Ý GIẢI MỘT SỐ BÀI TẬP

1. Con người với tư cách là đối tượng của văn học với con người là đối tượng của các ngành khoa học khác có những điểm khác nhau cơ bản như sau:

- Sinh học, y học chú ý con người ở khía cạnh sinh học; triết học chú ý con người ở khía cạnh bản chất, ý thức xã hội, bản chất cá nhân, tư tưởng, quan điểm...

- Văn học quan tâm đến sự khám phá, tái hiện con người trong những quan hệ xã hội, bộc lộ qua những tính cách cụ thể và trong những hoàn cảnh, môi trường, tình huống cụ thể, trong cuộc đời và số phận riêng biệt, cá lẻ... Con người trong văn học được tái hiện trong tính toàn vẹn, cảm tính và sinh động.

- Con người trong văn học không được nhìn nhận một cách khách quan tuyệt đối như trong các ngành khoa học khác, mà được miêu tả dưới một quan niệm về đời sống, một lí tưởng, một tình cảm thẩm mỹ nhất định, một cảm hứng mãnh liệt với tình cảm khẳng định hay phủ định của nhà văn.

2. Văn học và triết học cùng thuộc kiến trúc thượng tầng xã hội; vì thế, ngoài những đặc trưng riêng, hai hình thái ý thức xã hội này vẫn có những điểm chung. Cụ thể là: Văn học và triết học đều hướng nhận thức tới những vấn đề phổ quát của tồn tại con người, tìm kiếm con đường giải phóng con người, cắt nghĩa về thế giới. Trong các tác phẩm văn học, ta thấy không ít những triết lí sâu sắc về con người và cuộc sống con người một cách gợi cảm. Trong từng chặng đường phát triển của văn học, các dấu ấn của các trường phái triết học cũng in đậm trong các sáng tác của nhiều nhà văn. Chẳng hạn: Các triết lí về đối nhân xử thế trong văn học dân gian, về quan niệm cuộc đời và con người mang dấu ấn của các triết học Nho, Phật, Lão trong văn học xưa và nay...

3. Văn học không bao giờ tách rời chính trị. Nghệ thuật chứa đựng chính trị của giai cấp này hay giai cấp khác. Văn học - nghệ thuật và chính trị khác biệt nhau, nhưng không đối lập, loại trừ nhau. Hứng thú nghệ thuật gắn với những rung động tâm hồn, niềm say mê chính trị nhằm giải quyết vấn đề thực tiễn. Văn nghệ phản ánh đời sống chính trị, còn chính trị biến lí tưởng xã hội thành hiện thực. Như vậy, ngoài sự khác biệt về hình thức, văn nghệ và chính trị không đối lập nhau về bản chất xã hội. Văn nghệ bày tỏ quan điểm chính trị theo cách của nó, cũng như chính trị có cách riêng để tác động tới văn nghệ.

Nhưng đồng nhất chính trị với văn học là sự tước bỏ đặc trưng của văn học. Lênin đã chỉ ra rằng: "Sự nghiệp văn học ít chịu ảnh hưởng hơn cả đối với sự bình quân máy móc, đối với sự san bằng, đối với việc số đông thống trị số ít. Không thể chối cãi được rằng trong sự nghiệp đó tuyệt đối phải bảo đảm phạm vi hết sức rộng rãi cho sáng kiến cá nhân, cho khuynh hướng cá nhân, đảm bảo một chân trời thoáng rộng, bao la cho tư tưởng và sức tưởng tượng, cho hình thức và nội dung" ⁽¹⁾.

4. Văn học cũng như đạo đức đều hướng về một đối tượng trọng tâm là con người trong các mối quan hệ xã hội. Tuy vậy, văn học tiếp cận đối tượng theo cách riêng của mình.

Văn học và đạo đức đều nhằm giáo dục con người theo những chuẩn mực quan hệ nhất định, song hai hình thái ý thức này không phải là một vì văn học giáo dục con người thông qua những hình tượng thẩm mĩ. Trong khi đó, đạo đức tác động đến con người bằng lí luận, bằng những kết luận mang tính quy phạm.

(Sinh viên lấy các ngữ liệu dạy học môn Tiếng Việt và môn Đạo đức ở tiểu học để minh chứng cho những nhận xét trên).

5. Sự song hành giữa hai đặc tính hiện thực và siêu thoát hoàn toàn không xem nhẹ bản chất xã hội của văn học, ngược lại càng đề cao bản chất thẩm mĩ cũng như ý nghĩa, tác động xã hội của loại hình nghệ thuật này vì đáp ứng được thị hiếu, khát vọng, lí tưởng giàu tính nhân văn muôn thuở của con người.

(Sinh viên làm sáng tỏ nhận định này bằng một (hoặc nhiều) tác phẩm văn học thiếu nhi tự chọn).

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Đăng Dur - Lê Lưu Oanh, *Giáo trình Lí luận văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1997 (Phần hai, Chương I).
2. Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá (Chủ biên), *Từ điển văn học*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2004.
3. Phương Lựu (Chủ biên), *Lí luận văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1997 (Phần I, Chương II).
4. R. Wellek và A. Warren, *Lí luận văn học*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2009 (Phần I, III).

¹ C.Mac - F.Ăngghen, *Về văn học và nghệ thuật*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1977, tr.307

5. Trần Đình Sử (Chủ biên), *Giáo trình Lí luận văn học*, tập 1, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2004 (Chương I, II).

Tailieu.vn

Chương 3

ĐẶC TRƯNG CỦA VĂN HỌC

3.1. ĐẶC TRƯNG VỀ PHẢN ẢNH THẨM MỸ CỦA VĂN HỌC

Phản ánh thẩm mỹ là phản ánh trong tình cảm thẩm mỹ. Đây là thứ “tình cảm thứ hai”, hình thành trên cơ sở thanh lọc, thăng hoa những thể nghiệm đời sống quá khứ, những suy ngẫm, nếm trải về cuộc đời nên vừa có những hình tượng sắc nét lại vừa vượt lên trên những hơn thiệt, mất mát của cá nhân, đáng cho mọi người cùng thể nghiệm, hưởng thụ. Tình cảm thẩm mỹ thực chất là tình cảm đối với cuộc đời, đối với đồng loại, đối với thiên nhiên, dân tộc, không phải là tình cảm vị kỉ, thuần túy riêng tư. Đó là hình thức phản ánh hiện thực trong những giá trị phổ quát của nhân loại. Hồ Chí Minh viết bài thơ *Ngắm trăng (Vọng nguyệt)* với cảm xúc của “thi gia”, của con người trước thiên nhiên tươi đẹp, chứ không giản đơn là tình cảm của một người tù. Tương tự như thế, *Đánh tam cúc* - một bài thơ của Trần Đăng Khoa viết lúc lên chín – được gợi hứng từ một sự kiện khá lí thú: bé Giang bốn tuổi (em gái của Trần Đăng Khoa) đánh tam cúc với mèo khoang khi cả nhà đi vắng. Từ tình thương đối với người em mới lên bốn, lên năm mà mỗi khi bố mẹ, anh chị đi vắng cả, chẳng có ai mà chơi với, đành phải rủ rê con Mèo khoang của nhà ra đánh tam cúc với mình, thậm chí phải làm lành, nịnh Mèo khoang, cho nó thắng trận để có “bạn” chơi, để khỏi phải chơi một mình, phải chịu cảnh cô đơn, bài thơ cho thấy dù chỉ mới chín tuổi, chưa có kinh nghiệm hiểu người, nhưng với một tâm hồn thơ trẻ và nhạy bén, Khoa đã có một lòng thương cảm sâu sắc với nỗi cô đơn của những em bé khi phải ở nhà một mình. Rõ ràng, tình cảm thẩm mỹ đem lại một hệ giá trị rất lớn để văn học phản ánh hiện thực.

Thẩm mỹ là tính chất đặc thù của văn học làm cho nó khác biệt với các hình thái ý thức xã hội khác và có vị trí riêng trong cấu trúc thượng tầng kiến trúc của xã hội và cơ sở kinh tế. Tính đặc thù này thể hiện ở chỗ văn học có một mục đích phi vụ lợi đối với hiện thực, sử dụng phương thức chiếm lĩnh đời sống bằng hình tượng và trực giác, biểu hiện một cách đánh giá thiên về tình cảm chủ quan. Sức hấp dẫn của văn học chính là sức hấp dẫn của tính chất thẩm mỹ đó.

3.2. ĐẶC TRƯNG VỀ CHẤT LIỆU CỦA VĂN HỌC

So với chất liệu của các ngành nghệ thuật khác, ngôn từ nghệ thuật – chất liệu của văn học, có các đặc điểm cơ bản sau:

Ngôn từ văn học có tính chất phi vật thể. Hình tượng văn học tuy có chỗ giống với các nghệ thuật biểu hiện và tạo hình ở phương diện âm thanh, nhạc điệu, có thể tác động vào thính giác, nhưng có những đặc trưng và chức năng khác hẳn. Xây dựng bằng chất liệu ngôn từ, văn học không thể tạo ra các hình tượng vật thể hữu hình có khả năng tác động trực tiếp vào thị giác, thính giác con người, gây những ấn tượng cảm tính xác thực mạnh mẽ mà tạo ra những hình tượng tác động vào trí tuệ, tưởng tượng và liên tưởng của người đọc. Không ai nhìn thấy hình

tượng văn học bằng mắt thường. Nó chỉ bộc lộ với họ qua cái “nhìn” bên trong thâm kín. Đó là tính chất tinh thần hay tính “phi vật thể” của hình tượng văn học.

Tuy nhiên, hình tượng văn học không thiếu khả năng gây ấn tượng mạnh mẽ nhờ sự tác động trực tiếp vào thế giới tinh thần của con người. Mặt khác, do chất liệu ngôn từ, văn học là phương tiện vạn năng để chiếm lĩnh thế giới. Hình tượng văn học chẳng những có thể tái hiện những điều mắt thấy và nhận biết bằng cái nhìn thị giác như hội họa, điêu khắc, điện ảnh... mà còn tái hiện cả những điều cảm thấy bằng khứu giác, thính giác, xúc giác. Văn học có thể nắm bắt tất cả những cái mơ hồ, vô hình nhưng có thật trong cảm xúc về thế giới. Các nghệ thuật tạo hình khác chỉ biểu hiện những hiện tượng đó một cách gián tiếp, còn văn học có thể gọi “đích danh” chúng ra:

Vây quanh làng

Một biển vàng

Như tơ kén...

Hương lúa chín

Thoang thoang bay

Làm say say

Đàn ri đá

Lúa biết đi

Chuyện râm rì

Rung rinh sóng

Làm xáo động

Cả rặng cây

Làm lung lay

Hàng cột điện...

(Mùa lúa chín, Nguyễn Khoa Đăng)

Chất liệu văn học cũng không bị hạn chế về không gian và thời gian. Văn học thuộc loại hình nghệ thuật thời gian, nghĩa là hình tượng của nó mở dần ra trong thời gian, khác hẳn với các loại nghệ thuật tạo hình khác. Văn học có thể “kéo căng” thời gian bằng cách mô tả rất chi tiết những giây phút hệ trọng của con người, như giây phút Mừng và Quỳnh sắp giã từ chiến khu Hòa Mỹ, chia tay bạn bè, đồng chí để ra đi vĩnh viễn trong *Tuổi thơ dữ dội* (Phùng Quán). Văn học lại có thể “dồn nén” thời gian bằng cách tái hiện một đoạn thời gian dài trong một dòng trần thuật ngắn, chẳng hạn:

Bà ngoại em mắt đã lâu

Mẹ còn giữ được coi trâu, bình vôi

Coi trâu héo lá trâu rồi

Bình vôi giờ đứng khô vôi góc nhà...

(*Bà ngoại*, Nguyễn Thị Mai)

Mai sau

Mai sau

Mai sau

Đất xanh tre mãi xanh màu tre xanh.

(*Tre Việt Nam*, Nguyễn Duy)

Đặc tính này tạo điều kiện để nhà văn có thể làm cho thời gian trôi nhanh hay chậm, đều đặn, êm đềm hay biến động, căng thẳng. Nhà văn lại có thể tạo ra những liên hệ thời gian, có khi rất xa nhau giữa quá khứ, hiện tại, tương lai, cũng có thể dẫn dắt người đọc đi cùng chiều với thời gian tự nhiên, nhưng cũng có thể dắt họ đi ngược lại thời gian, từ hiện tại trở về quá khứ, chẳng hạn như những đoạn hồi tưởng...

Không gian trong văn học cũng có đặc sắc riêng. Văn học không thể cho người ta thấy được tương quan các vật thể trong không gian như hội họa, điêu khắc; nhưng nó tạo ra những giới hạn khác của không gian như không gian lịch sử, không gian tâm linh với những điều kì bí, huyền hoặc khó lí giải, không gian tâm tưởng (thế giới suy tư và ước mơ của con người). Chẳng hạn bài thơ *Bóng mây* của Thanh Hà:

Hôm qua trời nắng như nung

Mẹ em đi cấy phơi lưng cả ngày

Ước gì em hóa đám mây

Em che cho mẹ suốt ngày bóng râm.

Một đặc điểm khác của ngôn từ văn học là “tính văn học” của nó. Đó là cách tổ chức, kết hợp đặc biệt để gây chú ý vào bản thân nó và do đó tăng cường hiệu quả biểu đạt nghệ thuật. Nói cách khác, ngôn từ văn học là ngôn từ biến dị theo quy luật nghệ thuật chứ không răm rắp tuân theo quy chuẩn thông thường của ngôn từ thực dụng. Điều đó trước hết là do trong ngôn từ nghệ thuật, tác giả thường náu mình đi để cho nhân vật, người trần thuật, chủ thể trữ tình – những hình tượng do tác giả sáng tạo ra – đóng vai trò chủ thể lời nói. Đặc điểm này làm cho lời văn nghệ thuật là lời hư cấu, lời mang tính chất hình tượng của lời nói, chứ không phải là lời trực tiếp của tác giả như trong ngôn ngữ giao tiếp thông thường. Tính chất hư cấu làm cho mọi vật trong thế giới đều có thể có tiếng nói của chúng. Trong các truyện *Dế Mèn phiêu lưu kí*, *Đất rừng phương Nam*, *Côi cút giữa cánh đồng*, *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*, *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ...*, nhà văn đều để cho các nhân vật Dế Mèn, An, bé Duy, cu Dũng, cu Mùi... tự kể chuyện mình nên rất tự nhiên và chân thật, gần gũi với trẻ thơ.

Tính chất gợi cảm gây ấn tượng mạnh cũng là một đặc trưng của ngôn từ văn học. Điều này là do phép “lạ hóa”, phá vỡ sự phản ứng theo thói quen của con người đối với ngôn từ thực dụng hằng ngày nhằm đạt tới một hiệu quả nghệ thuật, theo đó hiện tượng được miêu tả hiện ra không phải như ta đã quen biết, hiển nhiên, bình thường mà như một cái gì mới mẻ, chưa quen,

khác lạ để đánh thức cảm giác của con người về cuộc sống, khiến người đọc cảm thụ sự vật như lần đầu. Một trong những biểu hiện tiêu biểu của tính chất này ở văn học thiếu nhi là sự sử dụng với tần xuất cao các biện pháp tu từ nghệ thuật như nhân hóa, so sánh, điệp... Nhờ thế, bài thơ dưới đây đã đem lại cho người đọc một tri nhận, tình cảm mới về tình yêu thương bao la, nỗi vất vả, nhọc nhằn vì con của mẹ:

*Lặng rồi cả tiếng con ve
Con ve cũng mệt vì hè nắng oi.
Nhà em vẫn tiếng ạ ời
Kèo cà tiếng võng mẹ ngồi mẹ ru.
Lời ru có gió mùa thu
Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về.
Những ngôi sao thức ngoài kia
Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.
Đêm nay con ngủ giấc tròn
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.*

(Mẹ, Trần Quốc Minh)

Từ những đặc trưng cơ bản trên, ta có thể khái quát rằng: Ngôn từ nghệ thuật là ngôn từ được sáng tạo nhằm mục đích nghệ thuật, gắn liền với việc sáng tạo hình tượng nghệ thuật nhằm biểu hiện tư tưởng, tình cảm và sự thể nghiệm cuộc sống của con người.

3.3. ĐẶC TRƯNG VỀ TÍNH ĐA CHỨC NĂNG CỦA VĂN HỌC

Chức năng của văn học tức là vai trò, tác dụng, giá trị xã hội của văn học đối với đời sống xã hội và đời sống tinh thần của con người. Nói cách khác, chức năng của văn học chính là mục đích, ý nghĩa xã hội của văn học.

Về chức năng của văn học, hiện nay giới nghiên cứu văn học nước ta cũng như thế giới có những quan điểm khác nhau. Điểm chung ở đây là phần lớn ý kiến cho rằng chức năng của văn học là một khái niệm nhiều mặt, có nội dung phong phú nên phải có cái nhìn tổng hợp, đứng ở nhiều góc độ, bình diện khác nhau để xem xét. Chính đó là cơ sở của quan niệm về tính chất nhiều chức năng của văn học và trong số các chức năng ấy, được đặc biệt nhấn mạnh là bốn chức năng: nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ, giải trí.

3.3.1. Chức năng nhận thức

Nhận thức là quá trình biến chứng của sự phản ánh thế giới khách quan trong ý thức con người, nhờ đó con người tư duy và không ngừng tiến đến gần khách thể. Nói tới chức năng nhận thức trước hết ta nghĩ tới khả năng của văn học trong việc cung cấp tri thức, mang đến sự hiểu biết, giúp con người khám phá thế giới hiện thực. Khác với các khoa học, văn học không nhận thức hiện thực theo kiểu phân môn, biệt loại mà phản ánh cuộc sống trong toàn bộ tính tổng hợp,